

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 02 năm 2025

V/v "Tr/c Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Nhụ và bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ - Thư ký TAND thị xã Quế Võ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

HKTT: Kp M, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

HKTT: Kp L, phường Q, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh

Hiện đang chấp hành án tại đội 24, phân trại số B, trại giam H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành S được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và được UBND xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/01/2003. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng về quan điểm sống. Anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng rạn nứt về tình cảm, dần không còn lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân và không có biện pháp về đoàn tụ. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ổn định cuộc sống của chị và hai con nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về con chung: Vợ chồng chị có sinh được 02 con chung là Nguyễn Kiến Q,

sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 01/3/2013. Hiện tại cả hai con chung do chị nuôi dưỡng và chăm sóc. Tuy nhiên, cháu Q hiện đã trưởng thành nên khi vợ chồng chị ly hôn cháu có nguyện vọng ở với ai là do cháu quyết định, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo C và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Thành S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện và có hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến đời sống hôn nhân không hòa hợp nên hai vợ chồng dần mất niềm tin và sự tôn trọng lẫn nhau. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không có biện pháp về đoàn tụ. Nay chị N ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Vợ chồng trong thời gian chung sống có sinh được 02 con chung là Nguyễn Kiến Q, sinh ngày 19/01/2024 và Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 01/3/2013. Hiện hai con đang ở với chị N. Khi ly hôn, cháu Q đã trưởng thành nên cháu ở với ai là do cháu quyết định còn cháu C, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh đề nghị chị N xác nhận là hai vợ chồng đã giải quyết xong về tài sản chung và không còn liên quan gì. Nếu chị N đồng ý xác nhận thì anh đồng ý ly hôn, trường hợp chị N không đồng ý xác nhận nội dung này thì anh không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Thành S. Anh S đồng ý theo yêu cầu của chị N với điều kiện chị N xác nhận không còn bất cứ liên quan nào về vấn đề tài sản chung giữa hai vợ chồng, nhưng chị N không nhất trí.

Đại diện VKSND thị xã Quế Võ tham gia phiên tòa nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 01/3/2013 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành S đều có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành S được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Q (nay là phường Q) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/01/2003, việc kết hôn đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, cách sống dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không thành. Anh chị cùng xác nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không còn quan tâm đến nhau, không liên lạc, việc ai người đó làm, kinh tế độc lập. Quá trình giải quyết, chị N giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn và anh S đồng ý nhưng với điều kiện chị N xác nhận vợ chồng không còn liên quan đến tài sản chung.

Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành S là có thật trên thực tế, được các bên thừa nhận là mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân thời gian dài và không có khả năng đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành S có 02 con chung là Nguyễn Kiến Q, sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 01/3/2013. Hiện cả hai con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N xin được nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh S cấp dưỡng, còn cháu Q hiện đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết. Quá trình giải quyết, anh S đồng ý với yêu cầu và nguyện vọng của chị N, đồng thời cháu C cũng có ý kiến là được tiếp tục ở với chị N.

Xét sự thống nhất thỏa thuận giao cháu C cho chị N nuôi dưỡng là sự tự nguyện của anh S và chị N. Sự thỏa thuận này phù hợp với thực tế nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu C, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh S có yêu cầu chị N phải xác nhận trong lời khai là vợ chồng đã giải quyết xong về tài sản chung và không còn liên quan gì về vấn đề tài sản khi ly hôn thì anh sẽ đồng ý ly hôn, nhưng phía chị N không đồng ý ghi theo yêu cầu của anh S. Tuy nhiên, anh S cũng xác định về tài sản chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết mà đây là ý kiến của anh đưa ra, nếu chị N đồng ý thì anh thuận tình ly hôn còn chị N không đồng ý thì anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Nhận thấy, đây chỉ là ý kiến, quan điểm của anh S, không phải là một yêu cầu phân chia tài sản cụ thể nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 01/3/2013 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết. Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0003158 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THA thị xã Quế Võ;
- UBND xã Chi Lăng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

